

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 15/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 15/07/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc bổ sung dự toán thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2022;

Xét Tờ trình số 243/TTr-PTC.KH ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Trưởng phòng Tài Chính – Kế hoạch huyện Châu Thành về việc bổ sung dự toán thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Bổ sung dự toán thực hiện 03 chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2022 cho các ban, ngành huyện và UBND các xã thị trấn từ nguồn dự toán đã phân bổ đầu năm số tiền: 20.675.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng).

(Đính kèm chi tiết phụ lục)

**Điều 2:** Căn cứ số bổ sung nêu trên Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có tên ở Điều 1 tổ chức thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

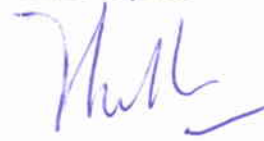
**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, trưởng phòng Tài Chính – Kế hoạch; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- KBNN huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Thạch Thị Sa Thy**



TT	Danh mục các chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022				Bổ sung có mục tiêu (cơ mã CTMT/QG)										Bổ sung dự toán (cơ mã CTMT/QG)				
		Tổng số vốn	Vốn ĐTTT	Vốn dự nghiệp	Thị trấn	Đa Lặc	Người Hòa	Sông Lặc	Huế Lội	Mỹ Chánh	Phước Hòa	Lương Hòa	Hòa Thuận	Hưng Mỹ	Lương Hòa A	Hòa Minh	Phước Sơn và PTNT	Phước Lào động TRHH	Phước Dân tộc	Phước Tân MT
	Dương GTNT ấp ÔKsáPa, xã Phước Hòa (kênh Nhà thờ)	1.500	1.500							1.500										
	Dự tư, bao dưỡng các công trình GTNT ấp ÔKsáPa	76		76						76										
-	XA MỸ CHANH	713	713	-	-	-	-	-	713	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dương GTNT ấp Phú Mỹ, xã Mỹ Chánh (từ nhà 8 Sinh đến nhà 2 Hổc)	713	713						713											
4)	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.700	-	1.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.700	-	-
	Tiền dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.	1.700	-	1.700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.700	-	-
-	Phước Lào động - Thượng bình và Xã hội	1.700		1.700														1.700		
5	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	22	-	22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22	-
	Tiền dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	22	-	22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22	-
-	Phước Dân tộc	22		22														22		
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.890	-	1.890	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.890	-	-
1)	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	953	-	953	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	953	-	-
-	Phước Lào động - Thượng bình và Xã hội	953		953														953		
2)	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	565	-	565	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	565	-	-
	Tiền dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	565	-	565	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	565	-	-
-	Phước Lào động - Thượng bình và Xã hội	565		565														565		
3)	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	372	-	372	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	372	-	-
	Tiền dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	372	-	372	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	372	-	-
-	Phước Lào động - Thượng bình và Xã hội	243		243														243		
	Tiền dự án 2: Giám sát, đánh giá	129	-	129	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	129	-	-
-	Phước Lào động - Thượng bình và Xã hội	129		129														129		
-	Phước Lào động - Thượng bình và Xã hội	129		129														129		
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	12.361	10.200	2.161	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300
1)	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng thiết yếu	10.200	10.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	XA HƯNG MỸ	3.400	3.400															3.400		

